

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN P
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/01/2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P
THÀNH PHỐ H**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phạm Bích Ngân
2. Ông Đỗ Xuân Nam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận P tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Anh.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0799/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: 19/45/7 Cô Bắc, Phường 01, Quận PN, Tp. H
(có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 494 Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận PN, Tp. H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận P, ông Phạm Quốc T (nguyên đơn) trình bày:

+ Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Mai T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 11, Quận PN, Tp. H Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, bất đồng chuyện tiền bạc, rồi đến việc bà Mai T hành hung ông, không chăm sóc ông khi ông ốm đau nằm viện. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 1 năm, trước đó có sống cùng với nhau nhưng không nói chuyện với nhau, tự ông nấu ăn riêng và tự sinh hoạt riêng. Năm 2019 ông đã nộp đơn ly hôn một lần, nhưng vì con ông chưa đủ 18 tuổi

nên ông rút đơn, nay con chung đã trưởng thành, ông muốn được yên thân, không còn tình cảm vợ chồng nữa, không đồng ý đoàn tụ, có nguyện vọng được ly hôn.

+ Về con chung: Có một con chung tên Phạm Nguyễn Mai A, sinh 23/3/2002, con đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

+ Về nợ chung: Không có

Trong văn bản ngày 27 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Mai T trình bày:

+ Về quan hệ vợ chồng: bà và ông T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 11, Quận PN, Tp. H Trong quá trình chung vợ chồng có bất đồng chuyện tiền bạc, mỗi lần cãi nhau là ông T đòi ly hôn, tôi không hiểu vì sao, chuyện đánh nhau cũng có nhưng cũng xuất phát từ việc chồng bà ép bà ký đơn ly hôn nên bà rất tức giận.

Bà T xác nhận ông bà sống cùng với nhau nhưng ít nói chuyện với nhau, có khi cả tháng không nói gì với nhau. Nay ông T yêu cầu nhất định ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên bà yêu cầu với điều kiện là ông T để lại cho con chung căn nhà đang ở thì bà mới đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có một con chung tên Phạm Nguyễn Mai A, sinh ngày 23/3/2002, con đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

+ Về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 08/4/2002 của UBND phường 11, quận P, Tp.H). Theo lời trình bày của ông T thì quá trình chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, bất đồng chuyện tiền bạc, rồi đến việc bà Mai T hành hung ông, không chăm sóc ông khi ông ốm đau nằm viện. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 1 năm, trước đó có sống cùng với nhau nhưng không nói chuyện với nhau, tự ông nấu ăn riêng và tự sinh hoạt riêng. Năm 2019 ông đã nộp đơn ly hôn một lần, nhưng vì con ông chưa đủ 18 tuổi nên ông rút đơn, nay con chung đã trưởng thành, không còn tình cảm vợ chồng, có nguyện vọng được ly hôn.

Bà Mai T thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có bất đồng chuyện tiền bạc, vợ chồng có xô xát nhau khi tức giận, sống cùng với nhau nhưng ít nói chuyện với nhau, có khi cả tháng không nói gì với nhau. Nay ông T yêu cầu nhất định ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên bà yêu cầu với điều kiện là ông T để lại cho con chung căn nhà đang ở thì bà mới đồng ý ly hôn.

Tòa đã mời các bên tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành, ông T sau đó đã làm hợp đồng tặng cho căn nhà đang ở cho con và giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của ông T có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Phạm Nguyễn Mai A, sinh ngày 23/3/2002, con đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, thì ông T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tuy nhiên ông T có đơn xin được miễn án phí vì thuộc trường hợp người cao tuổi (ông T sinh năm 1952), do đó căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, ông T được miễn án phí.

[6] Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Quốc T ly hôn với bà Nguyễn Thị Mai T.

2. Về con chung: Có một con chung tên Phạm Nguyễn Mai A, sinh ngày 23/3/2002, con đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Phạm Quốc T có trách nhiệm thi hành, tuy nhiên ông T được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.PN;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS Q.QPN;
- UBND Phường 11, Q.PN;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Trâm